

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

### 2. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

#### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

### 4. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



Mẫu số B09a - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 30/06/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

#### 8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 40
- Máy móc thiết bị	07 - 10
- Phương tiện vận tải	06 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
- Tài sản cố định khác	03 - 07

**8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính và bằng sáng chế, bản quyền.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Phần mềm máy tính	04
- Bản quyền, bằng sáng chế	03

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Công trình Khu đô thị du lịch Cái Giá và dự án sau Khách sạn Holiday View nhằm phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp. 6 tháng đầu năm 2016, Công ty vốn hóa chi phí lãi vay và phí bảo lãnh vay vốn tại ngân hàng vào công trình này với tổng số tiền là 8.661.198.623 đồng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị thương hiệu "Vinaconex" nhận được từ Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, chi phí công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Thương hiệu nhượng quyền phản ánh giá trị thương hiệu "Vinaconex" nhận được từ Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam theo một hợp đồng li-xăng ký giữa hai bên với thời hạn 20 năm.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí cải tạo sửa chữa văn phòng 17T5 và các chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả dài hạn là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

Chi phí phải trả ngắn hạn là khoản trích trước chi phí phải trả cho các nhà thầu thi công/cung cấp dịch vụ cho Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá và chi phí phải trả khác phát sinh từ những năm tài chính trước. Khoản trích trước chi phí thi công được ghi nhận dựa trên hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu, hoàn thành của hạng mục, công trình đã được xác nhận giữa hai đơn vị.

**14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. 6 tháng đầu năm 2016, Công ty vốn hóa chi phí lãi vay và phí bảo lãnh vay vốn tại ngân hàng vào công trình này với tổng số tiền là 8.661.198.623 đồng.

**15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

**16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh theo Điều lệ hoạt động của Công ty.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, không bị huỷ bỏ ngay và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ dịch vụ kinh doanh và cho thuê khách sạn và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

**18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn**

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và chi phí tài chính khác, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

*Các nghĩa vụ về thuế*

*Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ với mức thuế suất áp dụng là 5% và 10%.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. 6 tháng đầu năm 2016 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị lỗ nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>1.183.488.902</b>	<b>1.082.424.864</b>
<i>Tiền mặt</i>	<i>11.188.657</i>	<i>46.713.435</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>1.172.300.245</i>	<i>1.035.711.429</i>
<i>Tiền VND</i>	<i>1.167.782.508</i>	<i>1.031.298.031</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - SGD	1.111.389.711	961.247.746
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu - CN Đông Đô	36.625.815	50.097.322
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sông Nhuệ	2.286.378	2.516.721
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương (Hải Phòng)	286.688	285.962
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương (Khách sạn Holiday View)	17.193.916	17.150.280
<i>Tiền USD</i>	<i>4.517.737</i>	<i>4.413.398</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - SGD	4.517.737	4.413.398
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>29.791.625.257</b>	<b>3.077.895.155</b>
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu Chi nhánh Đông Đô (*)	29.791.625.257	3.077.895.155
<b>Cộng</b>	<b>30.975.114.159</b>	<b>4.160.320.019</b>

(\*): Hợp đồng tiền gửi rút gốc linh hoạt số 0026/2016/DDO/HĐTG đứng tên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinacorex hiện đang là tài sản cầm cố cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu.

**2. Phải thu khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty CP Công trình đường thủy Vinawaco	690.609.974	690.609.974	690.609.974	690.609.974
Khách hàng mua tài sản gắn liền với đất khu Dịch vụ 2	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	269.910.339	269.910.339	269.910.339	269.910.339
<b>Cộng</b>	<b>1.075.520.313</b>	<b>1.075.520.313</b>	<b>1.075.520.313</b>	<b>1.075.520.313</b>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà 17T5, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**3. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2016			01/01/2016			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>							
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	266.061.423	70.781.893	(195.279.530)	266.061.423	91.504.031	(174.557.392)	
Lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	266.061.423	70.781.893	(195.279.530)	266.061.423	91.504.031	(174.557.392)	
<b>Mã chứng khoán:</b>							
CTN	1.828.825	60.000	(1.768.825)	1.828.825	150.000	(1.678.825)	
HPG	229.131	229.131	-	229.131	229.131	-	
ITA	260.698.152	68.112.000	(192.586.152)	260.698.152	88.704.000	(171.994.152)	
KDC	325.927	170.100	(155.827)	325.927	170.100	(155.827)	
SĐT	1.284.226	516.662	(767.564)	1.284.226	556.800	(727.426)	
VTV	1.695.162	1.694.000	(1.162)	1.695.162	1.694.000	(1.162)	





Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

4. Trả trước cho người bán	30/06/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty CP Xây dựng G&P Việt Nam	2.530.145.000		2.530.145.000	
Công ty TNHH Hoa cây cảnh Hoàng Phúc	613.760.266		613.760.266	
Trả trước cho người bán khác	2.516.309.119		2.551.753.292	
<b>Cộng</b>	<b>5.660.214.385</b>		<b>5.695.658.558</b>	

5. Phải thu khác Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
<b>Phải thu khác</b>	<b>5.632.588.144</b>	<b>1.125.000.000</b>	<b>5.603.549.022</b>	<b>1.125.000.000</b>
Công ty cổ phần xây dựng Giao thông I	1.173.829.096	-	1.173.829.096	-
Công ty CP Tư vấn Anh	1.125.000.000	1.125.000.000	1.125.000.000	1.125.000.000
Công ty CP Xây dựng và Phát triển công trình Hạ	637.197.845	-	637.197.845	-
Phải thu khác	2.696.561.203	-	2.667.522.081	-
<b>Tạm ứng</b>	<b>717.748.250</b>	<b>-</b>	<b>578.641.752</b>	<b>-</b>
Đàm Ngọc Thu	69.286.859	-	49.386.859	-
Dương Đức Vinh	-	-	137.526.000	-
Nguyễn Hoàng Anh	314.280.800	-	192.780.800	-
Nguyễn Xuân Hải	153.752.040	-	58.752.040	-
Các đối tượng khác	180.428.551	-	140.196.053	-
<b>Dư nợ TK 338</b>	<b>275.009.567</b>	<b>-</b>	<b>275.009.577</b>	<b>-</b>
Bảo hiểm xã hội	129.695.202	-	129.695.211	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.493.223	-	4.493.224	-
Thuế thu nhập cá nhân	43.452.508	-	43.452.508	-
Phải trả khác Nợ TK 3388	97.368.634	-	97.368.634	-
<b>Cộng</b>	<b>6.625.345.961</b>	<b>1.125.000.000</b>	<b>6.457.200.351</b>	<b>1.125.000.000</b>

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

6. Nợ xấu Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi</i>				
Công ty CP Tư vấn Anh	1.125.000.000	-	1.125.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.125.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.125.000.000</b>	<b>-</b>



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**7. Tài sản dở dang dở dang dài hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Khu đô thị Cái Giá, Cát Bà (*)	553.578.106.084	553.578.106.084	553.489.250.484	553.489.250.484
<b>Cộng</b>	<b>553.578.106.084</b>	<b>553.578.106.084</b>	<b>553.489.250.484</b>	<b>553.489.250.484</b>

**b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Khu đô thị Cái Giá, Cát Bà (*)	231.489.128.368	222.667.350.133
Dự án sau Khách sạn Holiday view	1.320.000	1.320.000
<b>Cộng</b>	<b>231.490.448.368</b>	<b>222.668.670.133</b>

(\*): Công ty đã sử dụng tài sản hình thành từ Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà để đảm bảo cho khoản tiền vay từ các tổ chức tín dụng (cho dù tài sản đó đang tồn tại hay sẽ được hình thành trong tương lai).

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND
			Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2016	42.530.450	306.472.400	349.002.850
Số dư ngày 30/06/2016	42.530.450	306.472.400	349.002.850
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2016	42.530.450	306.472.400	349.002.850
Số dư ngày 30/06/2016	42.530.450	306.472.400	349.002.850
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	-	-	-

**9. Chi phí trả trước**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>	<b>39.815.547.696</b>	<b>41.633.850.956</b>
Lợi thế thương mại	1.889.375.844	2.062.360.404
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	558.967.823	2.256.848.602
Chi phí thương hiệu nhượng quyền	35.650.000.000	37.150.000.000
Chi phí cải tạo sửa chữa văn phòng 17T5	33.882.975	101.648.927
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.683.321.054	62.993.023
<b>Cộng</b>	<b>39.815.547.696</b>	<b>41.633.850.956</b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà 17T5, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2016	57.335.400.837	3.251.012.626	2.494.653.369	234.240.248	596.380.314	63.911.687.394	
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 30/06/2016	57.335.400.837	3.251.012.626	2.494.653.369	234.240.248	596.380.314	63.911.687.394	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2016	13.158.534.598	2.222.835.421	1.748.674.082	234.240.248	434.438.063	17.798.722.411	
Khấu hao trong kỳ	1.106.613.012	176.502.435	147.454.854	-	5.484.601	1.436.054.902	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 30/06/2016	14.265.147.610	2.399.337.856	1.896.128.936	234.240.248	439.922.664	19.234.777.313	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2016	44.176.866.239	1.028.177.205	745.979.288	-	161.942.251	46.112.964.983	
Tại ngày 30/06/2016	43.070.253.227	851.674.770	598.524.434	-	156.457.650	44.676.910.081	

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.381.791.625 đồng.

(\*) Ngày 11/04/2016, Công ty đã ký hợp đồng số 41/2016/HĐBDG với Bộ Tư lệnh quân khu 3 về việc chuyển nhượng Khách sạn Holiday View với giá trị: 60.600.000.000 đồng. Đến thời điểm 30/06/2016 do chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng nên Công ty chưa thực hiện bàn giao tài sản nêu trên cho Bộ Tư lệnh quân khu 3.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà 17T5, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**11. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a, Vay ngắn hạn</b>	<b>34.120.000.000</b>	<b>34.120.000.000</b>	<b>27.900.000.000</b>	<b>51.600.000.000</b>	<b>57.820.000.000</b>	<b>57.820.000.000</b>
Nguyễn Thị Trường (1)	120.000.000	120.000.000	-	-	120.000.000	120.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch (2)	14.000.000.000	14.000.000.000	7.900.000.000	51.600.000.000	57.700.000.000	57.700.000.000
Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu - Đông Đô (3)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
<b>b, Vay dài hạn</b>	<b>90.700.000.000</b>	<b>90.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>7.900.000.000</b>	<b>98.600.000.000</b>	<b>98.600.000.000</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch (4)	90.700.000.000	90.700.000.000	-	7.900.000.000	98.600.000.000	98.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>124.820.000.000</b>	<b>124.820.000.000</b>	<b>27.900.000.000</b>	<b>59.500.000.000</b>	<b>156.420.000.000</b>	<b>156.420.000.000</b>

(1): Khoản vay ngắn hạn của Bà Nguyễn Thị Trường: Hợp đồng vay vốn số 002, 003/2012 HĐTD-VITC-CNHHP. C205. Bà Trường đã tạo điều kiện không tính lãi đối với khoản vay vốn nêu trên.

(2): Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch theo Hợp đồng hạn mức tín dụng dài hạn số 1200-LAV-201100624 ngày 12/05/2009.

(3): Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu: Theo Hợp đồng tín dụng số 0325/2016/PĐ/HĐTD ngày 30/06/2016, số tiền cho vay là: 20 tỷ đồng. Thời hạn vay: kể từ ngày rút tiền lần đầu đến ngày 11/07/2016. Mục đích vay: vay bổ sung vốn kinh doanh - bù đắp tiền đầu tư dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng, kỹ thuật, địa chỉ: Khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà - Hải Phòng. Lãi suất cho vay trong hạn: áp dụng lãi suất cố định 7,5% trong suốt thời gian vay. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng. Tài sản cầm cố: Hợp đồng tiền gửi rút gốc linh hoạt số 0026/2016/DDO/HĐTG đứng tên Công ty CP Dầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex, giá trị: 57,6 tỷ đồng, lãi suất: 5,5%/năm, kỳ hạn 1 tháng, ngày giá trị: 10/06/2016, ngày đến hạn 10/07/2016 tại GP Bank Đông Đô. Giá trị Hợp đồng tiền gửi tại thời điểm hiện tại là 27,7 tỷ đồng.